TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày: 10-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HS-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị H, sinh năm 1985, tên gọi khác: Không; nơi sinh: Xã GL, huyện HT, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 2, xã HP, huyện HN, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Xóm 10, xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Đoàn Đại D, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1963; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ hai; có chồng là Dương Trung K, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

2. Hoàng Thị T2, sinh năm 1990, tên gọi khác: Không; nơi sinh: Xã NH, huyện NH, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm Vũ Đĩnh, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1972; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; có chồng là Phạm Văn T1, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm

2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

3. Lê Thị Ngọc D1, sinh năm 1990, tên gọi khác: Không; nơi sinh: Phường NN, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Lê Văn H2, sinh năm 1969 và bà Lã Thị Y, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; có chồng là Nguyễn Vũ Đ1, sinh năm 1985; có 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

- **Người làm chứng:** Anh Đoàn Đức D2, sinh năm 1987.

(Có mặt các bị cáo; vắng mặt anh D2)

NỘI D1 VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2021, Đoàn Thị H mở cơ sở "Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập mầm non tư thục Tâm An" tại thị trấn YĐ, huyện HH. Trong thời gian chuẩn bị hồ sơ, cơ sở vật chất để được cấp phép, Đoàn Thị H đã thông báo tuyển dụng giáo viên. Khi biết được thông tin tuyển dụng, Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 liên hệ gặp H để xin làm việc. Tuy nhiên, D1 mới chỉ tốt nghiệp Trung học phổ thông; T2có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm hệ giáo dục trẻ đặc biệt nhưng chưa có bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục mầm non. Muốn đủ điều kiện vào làm việc tại cơ sở của H thì theo quy định T2phải có bằng "Cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non" trở lên; D1 phải có bằng "Trung cấp chuyên nghiệp nấu ăn". H thỏa thuận liên hệ làm giúp bằng giả cho Trang, D1 nhưng T2và D1 phải chịu chi phí. H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng (không nhớ chủng loại máy) cùng sim số thuê bao 0989.881.115 vào mạng xã hội Facebook, tham gia nhóm "Hội chủ trường tư thục Hà Nội" đặt vấn đề muốn mua bằng giả thì được một người trong nhóm sử dụng Facebook "Bùi Hường" bảo H để lại số điện thoại liên hệ. Một ngày sau, có một người phụ nữ gọi vào số điện thoại của H yêu cầu gửi thông tin cá nhân để làm bằng cấp giả. Hai bên thỏa thuận giá 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm hệ giáo dục mầm non là 3.200.000 đồng và 01 bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ nấu ăn là 3.000.000 đồng. H gọi điện cho Trang, D1 yêu cầu Trang, D1 chụp ảnh căn cước công dân, ảnh chân D1 của Trang, D1 gửi qua mạng xã hội Zalo cho H để H gửi cho người phụ nữ trên. Ngoài ra, H còn liên hệ với người phụ nữ trên làm cho H một bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm hệ giáo dục mầm non giá 3.200.000 đồng và tự ý làm cho Đoàn Đức D2 (em trai H) một Chứng chỉ quản lý giáo dục giá 3.000.000 đồng. Khoảng 4 ngày sau, H được một

người giao hàng liên lạc vào số sim điện thoại 0989.881.115 của H hướng dẫn đến phường Tam Trinh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội trả số tiền 12.400.000 đồng và nhận: 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trường Cao đẳng sư phạm Trung Ương, số hiệu bằng: A010577 cấp ngày 10/7/2007, cấp cho Đoàn Thị H; 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp mang tên Trường cao đẳng du lịch Hà Nội, số hiệu bằng: A478656 cấp ngày 23/7/2012, cấp cho Lê Thị Ngọc D1; 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, số hiệu A478656 cấp ngày 19/6/2012, cấp cho Hoàng Thị T2; 01 Chứng chỉ quản lý giáo dục mang tên Đoàn Đức D2.

Khoảng giữa tháng 10/2021, H về Cơ sở nhóm trẻ của H đưa cho Trang, D1 xem 02 bằng giả mà H đã làm cho Trang, D1 và yêu cầu Trang, D1 sử dụng điện thoại chụp hình ảnh của bằng để lưu lại đề phòng việc nếu có đoàn kiểm tra thì biết cách trả lời, còn 2 bằng giả thì H giữ lại. D1 đã thanh toán số tiền 3.000.000 đồng mua bằng giả cho H; T2và H thống nhất số tiền 3.200.000 đồng mua bằng giả của T2sẽ trừ vào tiền lương hàng tháng. Ngày 03/11/2021, H pho to 03 bằng giả của H, Trang, D1 đưa đến Văn phòng công chứng số 1 huyện Hải Hậu để chứng thực và đưa vào hồ sơ xin cấp phép hoạt động trình UBND thị trấn Yên Định và Phòng Giáo dục huyện Hải Hậu nhưng không bị phát hiện. Sau khi được cấp phép hoạt động, H đã trả lại bằng giả cho Trang, D1 cất giữ. Tháng 09/2022, T2và D1 xin nghỉ việc và nộp lại bằng giả cho H. Việc mua chứng chỉ giả cho D2, H không nói cho D2 biết; mục đích của H là mua trước, sau đó thuyết phục D2 về làm quản lý cho H. Tuy nhiên, do không thuyết phục được D2 nên H không nói gì với D2 về việc đã mua chứng chỉ giả và đã làm thất lạc chứng chỉ giả của D2.

Ngày 09/3/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định phát hiện thu giữ của H: 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trường Cao đẳng sư phạm Trung Ương, số hiệu bằng: A010577 cấp cho Đoàn Thị H ngày 10/7/2007 (ký hiệu A1); 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp mang tên Trường cao đẳng du lịch Hà Nội, số hiệu bằng: A478656 cấp cho Lê Thị Ngọc D1 ngày 23/7/2012 (ký hiệu A2); 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, số hiệu A478656 cấp cho Hoàng Thị T2 ngày 19/6/2012 (ký hiệu A3) và chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 1068/KL-KTHS ngày 12/7/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

+ Hình dấu "TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) không phải do con dấu có hình dấu "TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG" trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Hiệu trưởng - PGS.TS Nguyễn Văn Lê trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký đứng tên Hiệu trưởng - PGS.TS Nguyễn Văn Lê trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu "TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) không phải do con dấu có hình dấu "TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HÀ NỘI" trên mẫu so sánh (Ký hiệu M5) đóng ra.

+ Không giám định chữ ký đứng tên Hiệu trưởng – TS. Nguyễn Trùng Khánh trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ ký đứng tên Hiệu trưởng - TS. Nguyễn Trùng Khánh trên mẫu so sánh (Ký hiệu M4) do khác dạng.

+ Hình dấu "TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) không phải do con dấu có hình dấu "TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2" trên mẫu so sánh (Ký hiệu M6) đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Hiệu trưởng - Nguyễn Văn Tuyến trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) so với chữ ký đứng tên Hiệu trưởng - Nguyễn Văn Tuyến trên mẫu so sánh (Ký hiệu M7) không phải do cùng một người ký ra.

Cáo trạng số 120/CT-VKSHH ngày 29 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Đoàn Thị H về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Quyết định số 01/QĐ-VKS-HH ngày 09/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã rút quan điểm truy tố bị cáo Đoàn Thị H về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; đề nghị tiếp tục xét xử đối với các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như nội D1 cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức":

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ Luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2. Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thị H từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng; xử phạt bị cáo Lê Thị

Ngọc D1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách đối với cả ba bị cáo đều được tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo Đoàn Thị H cho UBND xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định; giao bị cáo Hoàng Thị T2 cho UBND xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định; giao bị cáo Lê Thị Ngọc D1 cho UBND xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Ngọc D1 số tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đoàn Thị H, bị cáo Hoàng Thị T2.

Tranh luận tại phiên tòa: Các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không tranh luận.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội D2: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; bản kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2021, Đoàn Thị H mở cơ sở "Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập mầm non tư thục Tâm An" tại thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu. Để được cấp phép hoạt động, H đã tuyển dụng giáo viên là Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 nhưng do T2và D1 không có bằng cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định nên H đặt vấn đề làm giả bằng cấp cho T2và D1. H đã nhờ người không quen biết ở Hà Nội làm giả cho Hoàng Thị T2 một bằng tốt nghiệp cao đẳng của Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, Lê Thị Ngọc D1 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp của Trường cao đẳng du lịch Hà Nội và H 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng của Trường Cao đẳng sư phạm Trung Ương. Sau khi có các bằng cấp giả, H đưa đi công chứng cho vào hồ sơ xin thành lập "Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập mầm non tư thục Tâm An" tại tổ dân phố 4, thị trấn YD,

huyện HH trình Phòng giáo dục huyện HH thẩm định và được Ủy Ban nhân dân thị trấn YĐ, huyện HH ra quyết định thành lập. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Để hợp thức hóa hồ sơ xin thành lập "Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập mầm non tư thục Tâm An", Đoàn Thị H đã liên hệ qua mạng xã hội nhờ người làm các giấy tờ giả cho Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2, Lê Thị Ngọc D1 nhưng đến nay không xác định được người trực tiếp các giấy tờ giả cho H. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với các bị cáo và Quyết định rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Thị H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong hoạt động quản lý mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn. Bị cáo Đoàn Thị H là người khởi xướng nên giữ vai trò số 1; bị cáo Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 mặc dù không trực tiếp làm bằng giả nhưng cùng bị cáo H trả tiền để nhận bằng giả sử dụng nên đều giữ vai trò thứ hai vụ án.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 đều không có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt. Trong vụ án này, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi đã thực hiện nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H được Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ huyện Hải Hậu tặng thưởng Giấy khen vì đã tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo năm 2023; bị cáo hiện không có nhà đất ở, không có việc làm, hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo T2có chồng hiện đang bị bệnh nặng, chưa có việc làm, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Các bị cáo H, T2được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đoàn Thị H là người khởi xướng, trực tiếp sử dụng các loại bằng giả của các

bị cáo, giữ vai trò số một; các bị cáo T2và D1 đồng tình và cùng bị cáo H sử dụng bằng giả nên đều giữ vai trò số hai. Do đó, khi quyết định hình phạt có thể xem xét cho bị cáo D1 và T2hưởng mức hình phạt thấp hơn so với mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo T2có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo D1 nên cũng cần xem xét cho bị cáo T2được hưởng mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo D1. Xét các bị cáo H, D1, T2có nơi cư trú, tạm trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo H hiện đang là lao động tự do, không có nhà ở, không thu nhập ổn định; bị cáo T2có chồng bị bệnh nặng hiện không đi lại, không lao động được, bản thân bị cáo chưa có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H, bị cáo T2là phù hợp. Phạt bổ sung đối với bị cáo D1 số tiền tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Trong thời gian làm bằng giả, các bị cáo có sử dụng: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng, số sim 0989.881.115 của bị cáo H; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen, số sim 0983.581.501 của bị cáo T2và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy màu tím của bị cáo D1 để liên hệ giải quyết công việc. Đến thời điểm xảy ra vụ việc, các bị cáo đều đã thay đổi điện thoại và số sim điện thoại; cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hải Hậu không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

- Chứng chỉ mang tên Đoàn Đức D2, sinh năm 1987 trú tại xã GL, huyện HT, tỉnh Nam Định, bị cáo H đã làm thất lạc không rõ thời gian, địa điểm, cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu đã thông báo truy tìm nhưng đến nay không có kết quả nên không còn để xử lý.

[9] Anh Đoàn Đức D2 được bị cáo Đoàn Thị H làm chứng chỉ giả cho nhưng anh D2 không biết H làm cho mình nên không có căn cứ để xử lý bằng pháp luật.

[10] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị H, Lê Thị Ngọc D1, Hoàng Thị T2. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị H 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc D1 12 (mười hai)tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T2 09 (chín) tháng tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Giao bị cáo Đoàn Thị H cho Uỷ ban nhân dân xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định; giao bị cáo Lê Thị Ngọc D1 cho Uỷ ban nhân dân xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; Giao bị cáo Hoàng Thị T2 cho Uỷ ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Ngọc D1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đối với các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Đoàn Thị H, Hoàng Thị T2 và Lê Thị Ngọc D1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện Hải Hậu;
- Chi cục THA DS huyện;
- UBND xã HB, Hải TT, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Việt Hùng Phạm Văn Lịch **Ngô Thị Hòe**